

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06- 7- 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trần Minh Tùng**- Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Bà **Đoàn Sơn Lâm**– Nguyên cán bộ huyện Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Quách Thị Mỹ H**, sinh năm 1987. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông Trần Văn L do tự quen biết, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009. Có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do ông L không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm, công

việc làm ăn kinh tế tài chính gia đình luôn gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Trong thời gian ly thân, cả hai có gặp nhau nhưng không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông L. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2012. Từ khi ly thân cho đến nay cháu D sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn L trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì con thương vợ thương con. Nhưng nếu Tòa án chấp nhận cho bà H ly hôn thì về con ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng con, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông L thì không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và con, trường hợp ly hôn ông đồng ý giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L. Về con chung: Giao cháu D cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu ly hôn với ông L nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông L có nơi cư trú tại ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là có cơ sở.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của các đương sự thì cuộc sống của bà H và ông L không hạnh phúc, nguyên do ông L không quan tâm đến vợ con, công việc làm ăn của ông L không gặp thuận lợi dẫn đến kinh tế gia đình luôn gặp khó khăn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Mặc dù, cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng đến nay ông L vẫn không thay đổi nên đã sống ly thân từ 2021 đến nay. Từ khi ly thân cả hai tuy có gặp nhau nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà H và ông L có 01 con chung là cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2012. Từ khi ly thân đến nay cháu D sống với ông L. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay cháu D do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông L cũng đồng ý giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu D cũng có nguyện vọng sống với bà D. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho cháu, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng bà có khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông L cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Mỹ Hạnh đối với bị đơn ông Trần Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Quách Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Có 01 con chung. Giao cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 08/5/2012 cho bà Quách Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Quách Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006157 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà H đã nộp và chi xong.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào

